

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: Học kỳ 2 (2023-2024)

Lớp học phần: [23401216] - Giáo dục quốc phòng và an ninh (CCQ2310A)

STT	Thông tin sinh viên						TBTK	Được dự thi	Cuối kỳ	Vắng thi	Điểm tổng kết 1	Điểm tổng kết 2	Xếp loại	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học								
1	2123100023	Nguyễn Thị Phúc	An	14/09/2005	Nữ	CCQ2310A	7,7	V	6,8		7,20		Khá	
2	2123100071	Nguyễn Thu	An	08/06/2005	Nữ	CCQ2310B	7,5	V	7,6		7,60		Khá	
3	2123100043	Phạm Võ Thảo	An	14/05/2005	Nữ	CCQ2310B	7,8	V	6,4		7,00		Khá	
4	2123100031	Nguyễn Thị Quế	Anh	18/01/2005	Nữ	CCQ2310A	7,6	V	6,2		6,80		Trung bình	
5	2123100032	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2005	Nam	CCQ2310A	7,7	V	7,6		7,60		Khá	
6	2123100302	Trịnh Tiến	Anh	30/08/2003	Nam	CCQ2310A	0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
7	2123100056	Phạm Thị Ngọc	Bích	03/01/2002	Nữ	CCQ2310B	0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
8	2123100015	Phan Thị Thanh	Bình	07/07/2005	Nữ	CCQ2310A	0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
9	2123100303	Hứa Quang	Chấn	15/07/2003	Nam	CCQ2310B	0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
10	2123100296	Nguyễn Thị Mai	Đào	02/06/2005	Nữ	CCQ2310B	8,2	V	5,2		6,40		Trung bình	
11	2123100020	Nguyễn Tấn	Đạt	02/10/2005	Nam	CCQ2310A	6,3	V	7,0		6,70		Trung bình	
12	2123100063	Lương Quỳnh	Giao	22/06/2005	Nữ	CCQ2310B	7,4	V	5,4		6,20		Trung bình	
13	2123100055	Phan Gia	Hân	22/10/2005	Nữ	CCQ2310B	7,5	V	6,2		6,70		Trung bình	
14	2123100034	Vô Thị Ngọc	Hiền	03/09/2005	Nữ	CCQ2310A	0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
15	2123100044	Nguyễn Thanh	Hồng	18/08/2005	Nữ	CCQ2310B	0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
16	2123100030	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	06/04/2005	Nữ	CCQ2310A	7,9	V	6,0		6,80		Trung bình	
17	2123100011	Đinh Thị Thu	Huyền	25/08/2005	Nữ	CCQ2310A	6,9	V	6,2		6,50		Trung bình	
18	2123100007	Nguyễn Đào Cẩm	Huyền	24/07/2001	Nữ	CCQ2310A	6,8	V	5,8		6,20		Trung bình	
19	2123100306	Lê Kim	Khánh	08/09/2005	Nữ	CCQ2310A	8,1	V	7,0		7,40		Khá	
20	2123100014	Nguyễn Anh	Kiệt	03/11/2005	Nam	CCQ2310A	8,9	V	9,0		9,00		Giỏi	
21	2123100039	Đỗ Trúc	Lan	22/02/2005	Nữ	CCQ2310B	6,7	V	6,2		6,40		Trung bình	
22	2123100052	Đặng Phạm Yến	Linh	09/06/2005	Nữ	CCQ2310B	6,8	V	7,0		6,90		Trung bình	
23	2123100016	Trần Mai Phương	Linh	23/07/2005	Nữ	CCQ2310A	8,6	V	6,0		7,00		Khá	
24	2123100008	Trần Nhật	Linh	26/08/2003	Nữ	CCQ2310A	7,5	V	8,4		8,00		Khá	
25	2123100040	Đỗ Thị Kim	Loan	25/10/2005	Nữ	CCQ2310B	8,0	V	7,8		7,90		Khá	
26	2123100049	Hoàng Thị Phương	Loan	06/07/2005	Nữ	CCQ2310B	7,0	V	5,8		6,30		Trung bình	
27	2119110297	Nguyễn Thị Quỳnh	Ly	26/05/2001	Nữ	CCQ1911I	7,8	V	7,6		7,70		Khá	
28	2123100018	Nguyễn Thị	Lý	20/11/2005	Nữ	CCQ2310A	8,0	V	6,6		7,20		Khá	
29	2123100059	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	18/02/2005	Nữ	CCQ2310B	8,0	V	6,8		7,30		Khá	
30	2123100026	Âu Thanh	Ngân	13/12/2005	Nữ	CCQ2310A	7,1	V	8,2		7,80		Khá	
31	2123100009	Phạm Linh	Ngọc	21/03/2005	Nữ	CCQ2310A	7,8	V	7,2		7,40		Khá	
32	2123100046	Vô Hồng	Ngọc	01/04/2005	Nữ	CCQ2310B	7,7	V	7,8		7,80		Khá	

33	2123100066	Đặng Trường	Nguyên	20/07/2005	Nam	CCQ2310B	7,4	V	8,0		7,80		Khá	
34	2123100287	Nguyễn Thị Yến	Nhi	29/06/2005	Nữ	CCQ2310A	8,1	V	6,0		6,80		Trung bình	
35	2123100029	Phan Yến	Nhi	22/07/2005	Nữ	CCQ2310A	7,2	V	6,0		6,50		Trung bình	
36	2123100067	Nguyễn Huỳnh Tân	Như	09/03/2005	Nữ	CCQ2310B	7,9	V	5,6		6,50		Trung bình	
37	2123100013	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	29/11/2004	Nữ	CCQ2310A	7,3	V	5,6		6,30		Trung bình	
38	2123100070	Phạm Thị Kiều	Oanh	08/11/2005	Nữ	CCQ2310B	7,4	V	6,8		7,00		Khá	
39	2123100045	Nguyễn Mai	Phuong	23/07/2005	Nữ	CCQ2310B	7,7	V	6,4		6,90		Trung bình	
40	2123100057	Lê Thị Diễm	Quỳnh	10/11/2005	Nữ	CCQ2310B	7,4	V	6,4		6,80		Trung bình	
41	2123100069	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	15/01/2005	Nữ	CCQ2310B	6,3	V	4,2		5,00		Trung bình yếu	
42	2123100064	Mùng Thị Thu	Thảo	30/01/2005	Nữ	CCQ2310B	7,4	V	6,8		7,00		Khá	
43	2123100010	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	24/05/2005	Nữ	CCQ2310A	8,2	V	5,8		6,80		Trung bình	
44	2123100022	Phan Đặng Thanh	Thảo	26/02/2005	Nữ	CCQ2310A	8,2	V	7,8		8,00		Khá	
45	2123100038	Tạ Võ Hoàng	Thi	19/10/2001	Nữ	CCQ2310B	7,6	V	8,0		7,80		Khá	
46	2123100027	Lê Thị Kim	Thoa	18/09/2001	Nữ	CCQ2310A	8,3	V	7,8		8,00		Khá	
47	2123100035	Mai Ngọc	Thu	18/11/1998	Nữ	CCQ2310A	7,3	V	7,4		7,40		Khá	
48	2123100223	Lê Thị Anh	Thư	13/03/2005	Nữ	CCQ2310B	6,9	V	6,6		6,70		Trung bình	
49	2123100213	Nguyễn Thị Anh	Thư	21/11/2005	Nữ	CCQ2310B	0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
50	2123100021	Nguyễn Thị Bích	Thương	14/06/2005	Nữ	CCQ2310A	6,6	V	7,8		7,30		Khá	
51	2123100028	Nguyễn Thị Thanh	Thương	08/08/2005	Nữ	CCQ2310A	7,4	V	7,2		7,30		Khá	
52	2123100054	Nguyễn Thị Hồng	Thuý	29/06/2005	Nữ	CCQ2310B	7,4	V	8,0		7,80		Khá	
53	2123100036	Trần Như Thanh	Thuý	14/11/2005	Nữ	CCQ2310B	6,7	V	5,0		5,70		Trung bình	
54	2123100060	Nguyễn Đặng Thu	Thủy	26/10/2005	Nữ	CCQ2310B	7,7	V	6,2		6,80		Trung bình	
55	2123100047	Vũ Thị Phương	Thủy	28/10/2005	Nữ	CCQ2310B	8,2	V	6,4		7,10		Khá	
56	2123100024	Phạm Minh	Tính	03/11/2003	Nam	CCQ2310A	5,4	V	6,4		6,00		Trung bình	
57	2123100068	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	26/09/2005	Nữ	CCQ2310B	8,0	V	4,8		6,10		Trung bình	
58	2123100048	Trịnh Hồng Ánh	Trâm	05/12/2005	Nữ	CCQ2310B	7,9	V	6,4		7,00		Khá	
59	2123100050	Hồ Thị Huế	Trân	15/09/2005	Nữ	CCQ2310B	6,7	V	5,4		5,90		Trung bình	
60	2123100025	Nguyễn Thảo	Trinh	21/04/2005	Nữ	CCQ2310A	7,1	V	4,8		5,70		Trung bình	
61	2123100236	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15/03/2005	Nữ	CCQ2310B	8,0	V	6,8		7,30		Khá	
62	2123100308	Phạm Ngọc Lâm	Tùng	16/09/2004	Nam	CCQ2310A	0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
63	2123100061	Nguyễn Ánh	Tuyết	21/08/2004	Nữ	CCQ2310B	8,1	V	8,2		8,20		Khá	
64	2123100042	Nguyễn Võ Tường	Vy	16/04/2005	Nữ	CCQ2310B	7,7	V	6,5		7,00		Khá	
65	2123100062	Trần Ngọc Yến	Vy	16/01/2004	Nữ	CCQ2310B	8,4	V	8,1		8,20		Khá	
66	2123100019	Nguyễn Ngọc Như	Ý	11/04/2005	Nữ	CCQ2310A	6,7	V	6,6		6,60		Trung bình	
67	2123100065	Chu Thị	Yến	23/10/2005	Nữ	CCQ2310B	7,8	V	6,5		7,00		Khá	

....., ngày tháng năm

Người lập biểu

Lê Văn Trung